TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2024/DS-ST Ngày: 29/02/2024 "V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Quảng.

2. Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Huy Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 337/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Liêu Thị Ngọc D**, sinh năm 1977; Địa chỉ: 246/15/6 đường Đ, phường H, thành phố P, tỉnh G.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà **Thái Thị Mai H**, sinh năm 1982; Địa chỉ: 31 đường M, tổ 04, phường H, thành phố P, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 33 đường H, Tổ 02, phường I, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Thái Thị Mai H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, tin tưởng nhau nên năm 2021 bà Liêu Thị Ngọc D có cho bà Trần Thị Ngọc T vay số tiền 2.100.000.000 đồng để làm ăn, cụ thể:

Ngày 04/02/2021, bà T vay số tiền 2.000.000.000 đồng, bà T có ghi giấy mượn tiền đưa cho bà D giữ, chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền là của bà T, trong giấy mượn tiền không ghi thời hạn trả nợ và có ghi lãi suất do hai bên thoả thuận.

Sau đó bà T có mượn bà D 100.000.000 đồng nhưng chỉ vay bằng miệng không có giấy tờ gì.

Các lần vay tiền thì bà T và bà D thoả thuận khi nào bà D cần tiền thì bà Tr trả nợ cho bà D. Tuy nhiên khi bà D cần tiền đòi nợ bà T nhiều lần nhưng bà T không trả. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc 2.100.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 06/10/2023 cho đến thời điểm xét xử hôm nay.

Tại phiên toà phía nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện buộc bà T phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng vì bà T vay tiền bà D nhưng không có giấy tờ, mặt khác quá trình giải quyết vụ án bà T không có mặt để đối chiếu. Nguyên đơn yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm đối với số tiền 2.000.000.000 đồng từ ngày nộp đơn khởi kiện là 06/10/2023 cho đến ngày xét xử hôm nay 29/02/2024 là 79.817.352 đồng. Tổng cộng là 2.079.817.352 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội D của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội D vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Liêu Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc T; địa chỉ: 33 đường H, Tổ 02, phường I, thành phố P, tỉnh G phải trả số tiền còn nợ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[3] Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà T phải trả tiền gốc 100.000.000 đồng, việc rút đối với yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả gốc 100.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Liêu Thị Ngọc D yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Ngọc T phải trả 2.000.000.000 đồng nợ gốc và trả lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 06 tháng 10 năm 2023 đến ngày 29 tháng 02 năm 2024, đồng thời cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 04/02/2021 có chữ viết và chữ ký của bên mượn tiền bà Trần Thị Ngọc T. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, không xác định lãi suất. Xét hợp đồng vay tiền giữa bà T và bà D là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi và được giao kết hợp pháp. Bà T đã được Tòa án cấp tống đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật. Theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản", vì từ khi vay đến nay bà T không trả gốc và lãi cho bà D nên bà D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả gốc và tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà T phải trả cho bà D số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 79.817.352 đồng, tổng cộng 2.079.817.352 đồng.

[5] Về án phí: Vì yêu cầu của bà Liêu Thị Ngọc D được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 40, Điều 463, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Liêu Thị Ngọc D, cụ thể như sau:

1. Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải trả cho bà Liêu Thị Ngọc D số tiền 2.079.817.352 đồng (Hai tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm mười bảy nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 2.000.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/02/2024 là 79.817.352 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị Ngọc T phải trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

2. Án phí: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 36.798.174 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, một trăm bảy mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Liêu Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Liêu Thị Ngọc D 37.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001476 ngày 16/10/2023 và 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001530 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (29/02/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Loan Phương